

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019
và kết thúc vào ngày 30/06/2019



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 47

31344
CÔNG
SÁCH NHIỆ
PI
VIỆT
TH XUA

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/07/2018 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2019 bao gồm:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
Cộng		680.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Ho và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch
- Ông Ngô Trí Thịnh	Ủy viên
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Pha	Ủy viên
- Ông Phạm Xuân Phong	Ủy viên



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ngô Trí Thịnh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Phó Hiền	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày (i) 26/3/2019)

- (i) Theo Quyết định số 555/QĐ-ĐLTKV ngày 20/3/2019 về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Các thành viên của Ban kiểm soát của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Văn Thường	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Bùi Tố Uyên	Thành viên ban kiểm soát
- Bà Bùi Thu Thái	Thành viên ban kiểm soát

3. Trụ sở

Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, Công ty mẹ bao gồm các chi nhánh phụ thuộc sau:

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đòng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty mẹ được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty mẹ.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty mẹ đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC


Ngô Trí Thịnh

Số: 28 /2019/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (Công ty mẹ) được lập ngày 15/08/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 được trình bày từ trang 8 đến trang 47 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự bảo đảm rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hoàng Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2018-242-1



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN NGẮN HẠN	Mã số	TM	30/06/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.269.845.866.696	4.029.945.370.445
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	298.104.916.881	300.087.599.256
Tiền	111		78.104.916.881	50.087.599.256
Các khoản tương đương tiền	112		220.000.000.000	250.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.814.585.230.231	3.601.742.566.643
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	3.221.631.278.145	2.401.781.062.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.437.222.479	2.547.869.820
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.567.718.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	989.330.442.518	650.001.015.403
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	587.674.300.089	547.468.349.562
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(55.731.000)	(55.731.000)
Hàng tồn kho	140	5.7	89.485.714.117	74.949.208.031
Hàng tồn kho	141		89.485.714.117	74.949.208.031
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		67.670.005.467	53.165.996.515
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	8.090.219.016	935.326.403
Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.372.548.354	52.230.670.112
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	207.238.097	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.067.712.214.826	16.102.275.681.926
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.472.808.532.124	1.729.650.492.060
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.3	1.472.042.979.746	1.728.684.939.682
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	765.552.378	965.552.378
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.6	-	-
Tài sản cố định	220		11.013.220.130.489	11.674.065.699.414
TSCĐ hữu hình	221	5.9	10.975.515.953.453	11.635.867.097.237
- Nguyên giá	222		21.938.202.850.467	21.934.363.289.622
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.962.686.897.014)	(10.298.496.192.385)
TSCĐ vô hình	227	5.10	37.704.177.036	38.198.602.177
- Nguyên giá	228		45.955.964.240	44.953.363.240
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.251.787.204)	(6.754.761.063)
Tài sản dở dang dài hạn	240		66.787.374.315	67.532.275.452
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	66.787.374.315	67.532.275.452
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	2.180.432.146.547	2.147.490.644.767
Đầu tư vào công ty con	251		1.883.306.772.926	1.883.306.772.926
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(927.813.360.538)	(960.754.862.318)
Tài sản dài hạn khác	260		334.464.031.351	483.536.570.233
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	195.109.398.824	342.796.803.244
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		139.354.632.527	140.739.766.989
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.337.558.081.522	20.132.221.052.371

UNOS
TRÁC
ANH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.644.853.147.873	12.732.358.084.527
Nợ ngắn hạn	310		4.693.616.297.192	3.780.854.736.296
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.577.603.350.771	884.581.369.352
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		600.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	84.672.234.932	99.603.919.067
Phải trả người lao động	314		53.677.464.769	66.252.076.659
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	633.206.096.235	595.340.577.080
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.178.718.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	17.011.668.237	176.043.936.503
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	2.274.220.913.416	1.932.889.334.586
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		50.445.850.832	26.143.523.049
Nợ dài hạn	330		7.951.236.850.681	8.951.503.348.231
Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	401.611.149.416	399.805.189.215
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	7.549.625.701.265	8.551.698.159.016
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.692.704.933.649	7.399.862.967.844
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	7.692.704.933.649	7.399.862.967.844
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.269.425.647	3.269.425.647
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		889.435.508.002	596.593.542.197
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		560.400.917.850	94.987.627.670
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		329.034.590.152	501.605.914.527
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.337.558.081.522	20.132.221.052.371

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.778.091.027.362	4.083.254.448.172
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.2	5.778.091.027.362	4.083.254.448.172
Giá vốn hàng bán	11	6.3	5.018.575.810.654	3.271.338.345.823
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		759.515.216.708	811.916.102.349
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	32.034.330.099	15.455.340.495
Chi phí tài chính	22	6.5	318.409.443.755	447.519.833.859
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		169.734.415.022	174.681.027.459
Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	99.930.883.340	74.798.571.927
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		373.209.219.712	305.053.037.058
Thu nhập khác	31	6.6	2.324.510.601	162.437.661
Chi phí khác	32	6.7	1.265.904.608	3.132.366
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.058.605.993	159.305.295
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		374.267.825.705	305.212.342.353
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	45.233.235.553	12.348.592.517
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		329.034.590.152	292.863.749.836

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	374.267.825.705	305.212.342.353
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	665.602.707.350	675.786.106.227
Các khoản dự phòng	03	(32.941.501.780)	93.531.420.244
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	173.223.810.147	100.534.446.034
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(31.475.340.382)	(15.419.367.612)
Chi phí lãi vay	06	169.734.415.022	174.681.027.459
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.318.411.916.062	1.334.325.974.705
Tăng, Giảm các khoản phải thu	09	(809.992.887.048)	(232.570.225.239)
Tăng, Giảm hàng tồn kho	10	(13.151.371.624)	(23.011.697.448)
Tăng, Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	569.772.663.990	(330.721.951.295)
Tăng, Giảm chi phí trả trước	12	2.042.638.127	83.574.628.486
Tiền lãi vay đã trả	14	(236.389.104.375)	(89.749.584.432)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.884.463.483)	(413.904.592)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17.442.412.299	2.455.330.830
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.979.962.727)	(12.740.257.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	795.271.841.221	731.148.313.144
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21	(50.627.081.860)	(21.488.679.700)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(360.000.000.000)	(17.078.017.816)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	281.326.338.136	10.925.912.128
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(59.931.321.120)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.034.330.099	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(97.266.413.625)	(87.572.106.508)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33 7.1	360.000.000.000	7.595.038.945
Tiền trả nợ gốc vay	34 7.2	(1.059.454.971.471)	(454.753.680.135)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(533.138.500)	(331.278.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(699.988.109.971)	(447.489.919.190)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(1.982.682.375)	196.086.287.446
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	300.087.599.256	91.603.523.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	298.104.916.881	287.689.811.366

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Nhung



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/07/2018 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2019 bao gồm:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 30/06/2019	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	99,68%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	0,32%
Cộng	680.000.000	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000	100%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty mẹ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP đóng tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, Công ty mẹ bao gồm các chi nhánh phụ thuộc sau:

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty mẹ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3513/TKV-KTTC ngày 11/07/2019 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là: 23.230 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.350 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.350 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - TKV được phân bổ không quá 5 năm (bắt đầu từ thời điểm 15/01/2016) theo hướng dẫn tại Công văn số 558/BTC-TCDN ngày 13/01/2017 của Bộ Tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty mẹ và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty mẹ áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sẵn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	3 - 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ như sau:

- Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
- Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	6 năm



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- + Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- + Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.8 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ không quá 5 năm và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.11 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty mẹ và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp ban đầu của Công ty mẹ được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 16/07/2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty (Công ty mẹ) là 6.800.000.000.000 đồng và được chia thành 680.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 30/06/2019	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	99,68%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	0,32%
Cộng	680.000.000	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty mẹ có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty mẹ đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty mẹ.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng: các sản phẩm của Công ty mẹ chịu thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp: thể hiện tổng giá trị của số thuế thu nhập hiện hành và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam..

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và tương đương tiền

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	494.808.040	803.293.451
Tiền gửi ngân hàng (ii)	77.610.108.841	49.284.305.805
Các khoản tương đương tiền (iii)	220.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	<u>298.104.916.881</u>	<u>300.087.599.256</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2019 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		494.808.040
Cộng		<u>494.808.040</u>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2019 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)	0,04 #	912
Đồng Việt Nam		77.610.107.929
Cộng		<u>77.610.108.841</u>
(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2019 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		220.000.000.000
Cộng		<u>220.000.000.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	-	-	-	-
Dài hạn	3.108.245.507.085	2.180.432.146.547	(927.813.360.538)	2.147.490.644.767
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.108.245.507.085	2.180.432.146.547	(927.813.360.538)	2.147.490.644.767
<u>Đầu tư vào Công ty con:</u>	1.883.306.772.926	955.493.412.388	(927.813.360.538)	923.993.910.608
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	1.757.179.069.334	829.365.708.796	(927.813.360.538)	797.866.207.016
- Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	126.127.703.592	126.127.703.592	-	126.127.703.592
<u>Đầu tư vào đơn vị khác:</u>	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	-	1.223.496.734.159
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	386.597.424.159	386.597.424.159	-	386.597.424.159
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	-	359.058.000.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	477.841.310.000	-	477.841.310.000
Cộng	3.108.245.507.085	2.180.432.146.547	(927.813.360.538)	2.147.490.644.767
				(960.754.862.318)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2019

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	Quảng Ninh	89,21%	89,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	Quảng Nam	88,77%	88,77%	Sản xuất than và sản xuất điện
Đầu tư vào Công ty khác:				
Công ty TNHH Điện Lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5 %	5 %	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.3 Phải thu về cho vay

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn				
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	989.330.442.518	989.330.442.518	650.001.015.403	650.001.015.403
+ Gốc vay	976.558.877.176	976.558.877.176	642.796.450.061	642.796.450.061
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	976.558.877.176	976.558.877.176	642.796.450.061	642.796.450.061
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	12.771.565.342	12.771.565.342	7.204.565.342	7.204.565.342
+ Gốc vay	-	-	-	-
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	12.771.565.342	12.771.565.342	7.204.565.342	7.204.565.342
Dài hạn	1.472.042.979.746	1.472.042.979.746	1.728.684.939.682	1.728.684.939.682
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	1.254.989.674.316	1.254.989.674.316	1.505.243.861.334	1.505.243.861.334
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	217.053.305.430	217.053.305.430	223.441.078.348	223.441.078.348
Cộng	2.461.373.422.264	2.461.373.422.264	2.378.685.955.085	2.378.685.955.085

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.4 Phải thu khách hàng

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	3.221.631.278.145	2.401.781.062.858
Công ty Mua bán điện	2.283.406.962.363	2.387.634.193.904
Các khách hàng khác	938.224.315.782	14.146.868.954
b. Dài hạn	-	-
Cộng	3.221.631.278.145	2.401.781.062.858

5.5 Phải thu khác

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	587.674.300.089	(55.731.000)	547.468.349.562	(55.731.000)
Phải thu về lãi cho vay	558.437.580.574	-	526.418.340.343	-
Phải thu khác (i)	29.236.719.515	(55.731.000)	21.050.009.219	(55.731.000)
b. Dài hạn	765.552.378	-	965.552.378	-
Ký cược, ký quỹ	765.552.378	-	965.552.378	-
Cộng	588.439.852.467	(55.731.000)	548.433.901.940	(55.731.000)

(i) Phải thu khác

	30/06/2019 (VND)
Phải thu tiền vật tư nhà thầu SFECO	4.670.345.669
Phải thu người lao động	1.046.775.721
Tạm ứng	593.461.190
Các khoản khác	22.926.136.935
Cộng	29.236.719.515

1344
 CÔNG
 NGHIỆP
 ĐIỆN
 LỰC
 VIỆT
 NAM

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.6 Nợ xấu

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	55.731.000	-	55.731.000	-
Từ 3 năm trở lên	55.731.000	-	55.731.000	-
Điện lực Thái Nguyên	13.621.000	-	13.621.000	-
Vụ Năng lượng - Bộ Công Thương	41.110.000	-	42.110.000	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	68.483.960.235	-	53.196.549.980	-
Công cụ, dụng cụ	20.857.519.482	-	21.752.658.051	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144.234.400	-	-	-
Cộng	89.485.714.117		74.949.208.031	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	63.423.764.862	60.806.305.452
<i>Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương 2</i>	29.400.328.849	28.982.665.777
<i>Dự án ĐTXD nhà máy sản xuất Vật liệu không nung và bãi tập kết nguyên liệu tại Đồng Giếng To</i>	2.946.467.500	2.946.467.500
<i>Xây dựng bãi thải xỉ NMNĐ Na Dương</i>	23.659.039.307	22.035.262.307
<i>Dự án khác</i>	7.417.929.206	6.841.909.868
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.363.609.453	6.725.970.000
Cộng	66.787.374.315	67.532.275.452



ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
NG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC

chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

LỜI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

ài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	6.746.990.328.531	14.631.961.314.404	249.233.507.288	52.619.841.618	253.558.297.781	21.934.363.289.622
- Mua trong kỳ	1.188.139.496	916.568.686	-	-	-	2.104.708.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	135.806.301	1.433.441.816	-	-	165.604.546	1.734.852.663
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.748.314.274.328	14.634.311.324.906	249.233.507.288	52.619.841.618	253.723.902.327	21.938.202.850.467
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	1.858.577.992.063	7.990.598.959.672	203.060.228.573	49.032.286.905	197.226.725.172	10.298.496.192.385
- Khấu hao trong kỳ	180.437.688.263	460.401.282.338	6.366.593.867	853.732.313	16.046.384.428	664.105.681.209
- Hao mòn trong kỳ	85.023.420	-	-	-	-	85.023.420
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.039.100.703.746	8.451.000.242.010	209.426.822.440	49.886.019.218	213.273.109.600	10.962.686.897.014

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu kỳ	4.888.412.336.468	6.641.362.354.732	46.173.278.715	3.587.554.713	56.331.572.609	11.635.867.097.237
Tại ngày cuối kỳ	4.709.213.570.582	6.183.311.082.896	39.806.684.848	2.733.822.400	40.450.792.727	10.975.515.953.453

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý:

207.002.423.519
 1.446.483.611.992
 9.158.441.561

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	37.524.680.892	7.200.955.984	227.726.364	44.953.363.240
- Mua trong kỳ	-	878.393.000	-	878.393.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	124.208.000	-	-	124.208.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	37.648.888.892	8.079.348.984	227.726.364	45.955.964.240
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	3.826.650.105	2.734.166.615	193.944.343	6.754.761.063
- Khấu hao trong kỳ	759.784.176	724.124.105	13.117.860	1.497.026.141
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.586.434.281	3.458.290.720	207.062.203	8.251.787.204
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	33.698.030.787	4.466.789.369	33.782.021	38.198.602.177
Tại ngày cuối kỳ	33.062.454.611	4.621.058.264	20.664.161	37.704.177.036

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 1.445.195.579



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.11 Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
a. Ngắn hạn	8.090.219.016	935.326.403
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	377.788.765	588.465.095
Chi phí bảo hiểm	4.315.019.439	271.994.294
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.397.410.812	74.867.014
b. Dài hạn	195.109.398.824	342.796.803.244
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	6.981.371.969	6.047.919.048
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	63.589.517.177	73.068.059.350
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	27.549.980.887	28.092.521.711
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ không quá 5 năm	96.883.918.089	235.289.515.388
Chi phí trả trước dài hạn khác	104.610.702	298.787.747
Cộng	203.199.617.840	343.732.129.647

3440
CÔNG
NHIỆP
PK
IẾT
QUẢN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2019 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2019 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	-	-	285.000.000.000	145.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
Vay ngân hàng	-	-	285.000.000.000	145.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000
b. Gốc vay và nợ dài hạn	10.484.587.493.602	10.484.587.493.602	113.714.092.550	914.454.971.471	9.683.846.614.681	9.683.846.614.681
b1. Gốc vay dài hạn	10.084.587.493.602	10.084.587.493.602	113.714.092.550	914.454.971.471	9.283.846.614.681	9.283.846.614.681
Từ 1 năm đến 5 năm	14.661.252.500	14.661.252.500	-	4.507.607.500	10.153.645.000	10.153.645.000
Vay ngân hàng	14.661.252.500	14.661.252.500	-	4.507.607.500	10.153.645.000	10.153.645.000
Trên 5 năm	10.069.926.241.102	10.069.926.241.102	113.714.092.550	909.947.363.971	9.273.692.969.681	9.273.692.969.681
Vay ngân hàng	4.157.586.388.820	4.157.586.388.820	88.308.750.000	293.461.465.914	3.952.433.672.906	3.952.433.672.906
Vay Tập đoàn	5.912.339.852.282	5.912.339.852.282	25.405.342.550	616.485.898.057	5.321.259.296.775	5.321.259.296.775
b2. Gốc nợ dài hạn	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Từ 5 năm đến 10 năm	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Trái phiếu phát hành (*)	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	10.484.587.493.602	10.484.587.493.602	398.714.092.550	1.059.454.971.471	9.823.846.614.681	9.823.846.614.681

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.13 Phải trả người bán

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.577.603.350.771	1.577.603.350.771	884.581.369.352	884.581.369.352
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	863.471.528.734	863.471.528.734	35.723.904.867	35.723.904.867
Tổng Công ty Đông Bắc	121.578.867.116	121.578.867.116	100.868.023.672	100.868.023.672
Công ty Kho Vận Đá Bạc - Vinacomin	14.937.989.967	14.937.989.967	51.232.927.877	51.232.927.877
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng Công ty Sông Đà	410.000.688.203	410.000.688.203	451.193.407.652	451.193.407.652
Tập đoàn EVN	41.542.550.920	41.542.550.920	26.327.512.167	26.327.512.167
Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 1	2.157.525.625	2.157.525.625	-	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 2	429.599.190	429.599.190	-	-
CN TCT Đông Bắc - Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	1.722.162.357	1.722.162.357	25.116.891.344	25.116.891.344
Phải trả các đối tượng khác	121.762.438.659	121.762.438.659	194.118.701.773	194.118.701.773
Các khoản phải trả người bán dài hạn	401.611.149.416	401.611.149.416	399.805.189.215	399.805.189.215
Nhà thầu SFECO	401.611.149.416	401.611.149.416	399.805.189.215	399.805.189.215
Cộng	1.979.214.500.187	1.979.214.500.187	1.284.386.558.567	1.284.386.558.567

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019 (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	47.440.831.585	160.931.077.021	177.185.509.640	31.186.398.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.884.463.483	45.233.235.553	38.884.463.483	45.233.235.553
Thuế thu nhập cá nhân	719.168.973	1.281.173.608	1.826.957.670	173.384.911
Thuế tài nguyên	6.306.931.049	19.669.317.735	22.254.355.571	3.721.893.213
Thuế đất và tiền thuê đất	-	1.723.376.845	1.723.376.845	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.252.523.977	11.037.334.542	12.932.536.230	4.357.322.289
Cộng	99.603.919.067	239.875.515.304	254.807.199.439	84.672.234.932
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	207.238.097	207.238.097
Cộng	-	-	207.238.097	207.238.097

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.15 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
Ngắn hạn	633.206.096.235	595.340.577.080
Chi phí lãi vay phải trả	622.570.292.949	585.019.558.730
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.296.955.243	-
Chi phí phải trả khác	8.338.848.043	10.321.018.350
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>633.206.096.235</u>	<u>595.340.577.080</u>

5.16 Phải trả khác

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
Ngắn hạn	17.011.668.237	176.043.936.503
Phải trả nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	-	161.017.850.859
Các khoản khác (i)	12.689.234.161	10.703.651.568
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>17.011.668.237</u>	<u>176.043.936.503</u>

(i) Số các khoản khác ngày 30/06/2019 bao gồm:

	<u>VND</u>
Thưởng an toàn điện	5.381.032.037
Kinh phí công đoàn	734.148.927
Phải trả TKV	3.553.904.509
Ký quỹ, ký cược	289.324.613
Các khoản phải trả khác	2.730.824.075
Cộng	<u>12.689.234.161</u>

ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

chị: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	6.800.000.000.000	-	-	-	317.681.884.147	7.117.681.884.147
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	3.269.425.647	-	3.269.425.647
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	501.605.914.527	501.605.914.527
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(222.694.256.477)	(222.694.256.477)
Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này	6.800.000.000.000	-	-	3.269.425.647	596.593.542.197	7.399.862.967.844
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	329.034.590.152	329.034.590.152
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(36.192.624.347)	(36.192.624.347)
Số dư cuối kỳ	6.800.000.000.000	-	-	3.269.425.647	889.435.508.002	7.692.704.933.649

Tổng Công ty thực hiện trích quỹ thưởng Viên chức quản lý số tiền 487.000.000 đồng và trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi số tiền 35.705.624.347 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 04/NQ-ĐHCCĐ-2019 ngày 22/04/2019.

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

(*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Vốn của Nhà nước	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000
Vốn của đối tượng khác	21.915.000.000	21.915.000.000
Cộng	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Vốn tăng trong kỳ	-	-
Vốn giảm trong kỳ	-	-
Vốn cuối kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	533.138.500	331.278.000

Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng CP đăng ký phát hành	680.000.000	680.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

40040-
 NG TY
 HỮU
 KF
 T NAM
 AN - T

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.778.091.027.362	4.083.254.448.172
Doanh thu bán than	92.340.971.760	83.113.066.110
Doanh thu bán điện	4.087.143.397.448	3.992.315.247.653
Doanh thu khác	1.598.606.658.154	7.826.134.409

6.2 Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.778.091.027.362	4.083.254.448.172
Doanh thu thuần bán than	92.340.971.760	83.113.066.110
Doanh thu thuần bán điện	4.087.143.397.448	3.992.315.247.653
Doanh thu thuần khác	1.598.606.658.154	7.826.134.409

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Giá vốn than bán	92.340.971.760	83.113.066.110
Giá vốn điện	3.334.316.817.919	3.181.108.459.534
Giá vốn khác	1.591.918.020.975	7.116.820.179
Cộng	5.018.575.810.654	3.271.338.345.823

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.437.840.382	2.801.867.612
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	27.037.500.000	12.617.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	501.861.202	35.972.883
Doanh thu tài chính khác	57.128.515	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lãi tiền vay	169.734.415.022	174.681.027.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá	174.922.879.840	173.625.062.146
Chi phí tài chính khác	6.693.650.673	5.678.042.042
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(32.941.501.780)	93.535.702.212
Cộng	318.409.443.755	447.519.833.859

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Thu từ xử lý công nợ với nhà thầu	2.221.484.815	-
Các khoản khác	103.025.786	162.437.661
Cộng	2.324.510.601	162.437.661

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Các khoản khác	1.265.904.608	3.132.366
Cộng	1.265.904.608	3.132.366

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.930.883.340	74.798.571.927
Chi phí nhân viên	50.682.393.951	32.008.009.570
Chi phí khấu hao	10.524.832.242	8.878.783.712
Dịch vụ mua ngoài	5.650.326.970	2.713.644.053
Các khoản khác	33.073.330.177	31.198.134.592
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	99.930.883.340	74.798.571.927



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.163.128.196.133	2.433.240.661.216
Chi phí nhân công	133.379.728.481	110.322.500.782
Chi phí khấu hao TSCĐ	665.602.707.350	675.786.106.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.823.397.883	45.490.715.086
Chi phí khác bằng tiền	95.539.974.692	81.296.934.439
Cộng	5.118.474.004.539	3.346.136.917.750

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	374.267.825.705
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	773.467.956
- Các khoản điều chỉnh giảm	
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	27.037.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế	348.003.793.661
Chuyển lỗ năm trước	-
Thu nhập tính thuế	348.003.793.661
- <i>Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế với thuế suất 10%</i>	243.675.231.783
- <i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	104.328.561.878
Thuế suất thuế TNDN được hưởng ưu đãi	10%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động không được hưởng ưu đãi	20%
Thuế TNDN phải nộp	45.233.235.553
<i>Thuế TNDN được miễn giảm</i>	-
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</i>	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	45.233.235.553

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ 360.000.000.000 VND

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường

134406
 CÔNG
 H NHIỆM
 PK
 VIỆT N
 XUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	1.059.454.971.471 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	1.059.454.971.471 VND

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty mẹ chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty mẹ chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty mẹ.

Công ty mẹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty mẹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty mẹ chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Công ty mẹ có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty mẹ nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào một số dự án điện nhiệt



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Công ty mẹ đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty mẹ có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty mẹ thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty mẹ xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty mẹ tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty mẹ sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty mẹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty mẹ theo chính sách của Công ty mẹ. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty mẹ đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty mẹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty mẹ sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty mẹ giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty mẹ và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài

ANH
*
IOM

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2019			
Giá trị ghi số:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.104.916.881	-	298.104.916.881
Phải thu khách hàng	3.221.631.278.145	-	3.221.631.278.145
Đầu tư	-	3.108.245.507.085	3.108.245.507.085
Phải thu khác	587.146.340.412	765.552.378	587.911.892.790
Tài sản tài chính khác	-	-	-
-Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(55.731.000)	-	(55.731.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(927.813.360.538)	(927.813.360.538)
Tổng cộng	4.106.826.804.438	2.181.197.698.925	6.288.024.503.363
Ngày 30/06/2019			
Các khoản vay và nợ	2.274.220.913.416	7.549.625.701.265	9.823.846.614.681
Phải trả người bán	1.577.603.350.771	401.611.149.416	1.979.214.500.187
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	650.217.764.472	-	650.217.764.472
Tổng cộng	4.502.042.028.659	7.951.236.850.681	12.453.278.879.340
Chênh lệch thanh khoản thuần	(395.215.224.211)	(5.770.039.151.756)	(6.165.254.375.977)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ký tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	300.087.599.256	-	300.087.599.256
Phải thu khách hàng	2.401.781.062.858	-	2.401.781.062.858
Đầu tư	-	3.108.245.507.085	3.108.245.507.085
Phải thu khác	547.468.349.562	965.552.378	548.433.901.940
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(55.731.000)	-	(55.731.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(960.754.862.318)	(960.754.862.318)
Tổng cộng	3.249.281.280.676	2.148.456.197.145	5.397.737.477.821
Ngày 01/01/2019			
Các khoản vay và nợ	1.932.889.334.586	8.551.698.159.016	10.484.587.493.602
Phải trả người bán	884.581.369.352	399.805.189.215	1.284.386.558.567
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	771.384.513.583	-	771.384.513.583
Tổng cộng	3.588.855.217.521	8.951.503.348.231	12.540.358.565.752
Chênh lệch thanh khoản thuần	(339.573.936.845)	(6.803.047.151.086)	(7.142.621.087.931)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Công ty mẹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty mẹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.
 (iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	3.221.631.278.145	2.401.781.062.858	3.221.631.278.145	2.401.781.062.858
<i>Các khoản PT khác</i>	587.911.892.790	548.433.901.940	587.856.161.790	548.378.170.940
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	298.104.916.881	300.087.599.256	298.104.916.881	300.087.599.256
Tổng cộng	4.107.648.087.816	3.250.302.564.054	4.107.592.356.816	3.250.246.833.054
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	9.823.846.614.681	10.484.587.493.602	9.823.846.614.681	10.484.587.493.602
<i>Phải trả người bán</i>	1.979.214.500.187	1.284.386.558.567	1.979.214.500.187	1.284.386.558.567
<i>Phải trả khác</i>	650.217.764.472	771.384.513.583	650.217.764.472	771.384.513.583
Tổng cộng	12.453.278.879.340	12.540.358.565.752	12.453.278.879.340	12.540.358.565.752

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

PHÒNG ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

PHẦN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Báo cáo bộ phận

Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu điện và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Than VND	Điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018				
Doanh thu	83.113.066.110	3.992.315.247.653	7.826.134.409	4.083.254.448.172
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	83.113.066.110	3.181.108.459.534	7.116.820.179	3.271.338.345.823
Lợi nhuận gộp	-	811.206.788.119	709.314.230	811.916.102.349
Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019				
Doanh thu	92.340.971.760	4.087.143.397.448	1.598.606.658.154	5.778.091.027.362
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	92.340.971.760	3.334.316.817.919	1.591.918.020.975	5.018.575.810.654
Lợi nhuận gộp	-	752.826.579.529	6.688.637.179	759.515.216.708

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty mẹ bị phản ánh sai lệch.

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

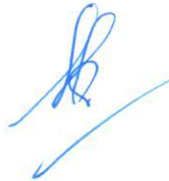
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



M.S.D.N: 0104297034 - C.T.C.P.
TỔNG
CÔNG TY
ĐIỆN LỰC
TKV
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Ngô Trí Thịnh